

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 21-01-2022

V/v: Chuyển giao nghĩa vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;

Bà Võ Kiều Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Chuyển giao nghĩa vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 194/2021/QĐ-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021, Thông báo dời ngày xét xử số 07/TB-TA ngày 06 tháng 01 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C; sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 và bà Hồ Thị H1, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thành H2 (Út H2), sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày yêu cầu khởi kiện:

Năm 2016, ông Trần Thành H2 nợ tiền hụi bà Nguyễn Thị C 26.000.000 đồng. Năm 2020 ông Thành H2 có chuyển nhượng quyền sử dụng (QSD) đất nuôi trồng thủy sản (NTTS) cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị H1. Ông Trần Thành H2 gửi 26.000.000 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H giữ để trả nợ hụi cho bà C thay ông Thành H2, việc thỏa thuận bằng miệng nhưng được ba bên đồng ý.

Thực tế khi thanh toán tiền chuyển nhượng QSD đất, phía vợ chồng ông Nguyễn Văn H có giữ 26.000.000 đồng của ông Thành H2 gửi trả cho bà C. Sau đó phía vợ chồng ông Văn H có thương lượng với bà C là qua đám ăn hỏi của con ông bà rồi ông bà sẽ trả lại cho bà C. Nhưng đám hỏi của con ông bà đã qua lâu mà số tiền ông Thành H2 gửi trả vợ chồng ông Văn H chưa đưa lại. Bà C yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H giao trả lại số tiền 26.000.000 đồng mà ông Trần Thành H2 gửi trả tiền nợ hụi cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thành H2, Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời về vụ việc; Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự 02 lần nhưng đương sự vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C; bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị H1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thành H2 vắng mặt nên không có ý kiến khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H liên đới hoàn trả cho bà C 26.000.000 đồng; án phí vợ chồng ông Hiệp phải chịu theo quy định, bà C không phải chịu án phí có nộp được hoàn lại

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thành H2 được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đương sự vắng mặt, áp dụng vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà C khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn H yêu cầu giao trả tiền do ông Trần Thành H2 (Út Hiệp) gửi trả. Xuất phát từ tiền nợ hụi ông Trần Thành H2 nợ bà Nguyễn Thị C, nhưng sau đó ông Thành H2 đã chuyển giao nghĩa vụ trả nợ hụi này cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và được bên có quyền là bà Nguyễn Thị C đồng ý. Việc thỏa thuận này mặc dù không thực hiện bằng văn bản, nhưng được các bên đồng ý. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Chuyển giao nghĩa vụ”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà C khởi kiện cho rằng vợ chồng ông Nguyễn Văn H giữ tiền do ông Trần Thành H2 gửi trả cho bà nhưng đến nay vợ chồng ông Văn H không giao lại; việc không giao lại tiền của vợ chồng ông Văn H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà C, nên bà khởi kiện là có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà C.

Bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Văn H và bà H1 giao trả tiền ông Thành H2 gửi trả 26.000.000 đồng, thấy rằng:

- Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho phía bị đơn, nhưng bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Tòa án tổng đạt thông báo hòa giải 02 lần cho bị đơn, nhưng cả 02 lần bị đơn đều vắng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo dời ngày xét xử cho bị đơn. Nhưng bị đơn vắng mặt và không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những lý do trên, có cơ sở khẳng định vợ chồng ông Nguyễn Văn H có nhận giữ số tiền 26.000.000 đồng của ông Trần Thành H2 gửi trả tiền hụi cho bà Nguyễn Thị C. Do đó, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới

hoàn trả 26.000.000 đồng cho bà C là có căn cứ.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị H1 chậm thanh toán tiền còn phải liên đới chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

[3] *Về án phí*: Yêu cầu của bà C được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với toàn bộ yêu cầu của bà C đối với số tiền phải trả là 26.000.000 đồng x 5% = 1.300.000 đồng.

Bà C không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 370 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị H1 về việc yêu cầu giao trả tiền do ông Trần Thành H2 (Út Hiệp) gửi trả tiền nợ hui.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị H1 có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị H1 chậm thanh toán tiền thì phải có nghĩa vụ liên đới chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị H1 chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 1.300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 650.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007746 ngày 02/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính